

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2022/HS-ST
Ngày 27 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Việt Huân, bà Nguyễn Thị Bích Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 187/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 186/2022/QĐXXST-HS ngày 16/9/2022 đối với các bị cáo:

1. Tráng A L, sinh năm 1985 tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản P, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 01/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tráng A C (Đã chết) và bà Vàng Thị M, có vợ là Vàng Thị S, có 01 con; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 09/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 09/9/2021 (Chưa được xóa tiền sự).

Về nhân thân: Ngày 28/5/2015 Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong án phí ngày 16/7/2015, chấp hành xong hình phạt ngày 11/6/2017 (Đã được xóa án tích).

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2022 đến nay; có mặt.

2. Tráng Và P, sinh năm 1983 tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản P, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tráng A C (Đã chết) và bà Vàng Thị M, có vợ là Vàng Thị L, có 06 con; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 09/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 09/9/2021 (Chưa được xóa tiền sự).

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2022 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Tráng A L1, sinh năm 1990, trú tại: Bản Pu N, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 15/7/2022 Tráng A L đi bộ đến khu vực biên giới Việt – Lào thuộc bản Pu Nhan, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu tìm mua ma túy sử dụng, tại đây L gặp và mua của một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết được 02 túi nilon bên trong đựng các viên hồng phiến với giá 1.600.000 đồng, có được ma túy L mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày L rủ Tráng Và P (anh trai) đi thăm người nhà tại Tiểu khu Pa Khen, thị trấn Nông trường Mộc Châu và đưa cho P cầm hộ 02 túi ma túy và rặn trong quá trình di chuyển nếu gặp cơ quan chức năng kiểm tra thì vứt ma túy đi để tránh sự phát hiện, P đồng ý và cất giấu 02 túi ma túy trong người, sau đó P mượn xem máy biển kiểm soát 26G1-225.41 của Tráng Láo L1 người cùng bản để L điều khiển chở P đi đến tiểu khu 3/2, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu thì gặp tổ công tác Công an xã Chiềng Sơn kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng: 02 túi nilon màu xanh (01 túi bên trong đựng 195 viên nén màu hồng, 01 túi bên trong đựng 199 viên nén màu hồng) nghi là Methamphetamine; 01 xe máy biển kiểm soát 26G1-225.41.

Ngày 16/7/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu tiến hành xác định khối lượng số viên nén màu hồng nghi là Methamphetamine thu giữ của Tráng Và P, Tráng A L, kết quả cụ thể như sau:

- Số 195 viên nén màu hồng đựng trong túi nilon thứ nhất có khối lượng 17,76 gam, lấy 05 viên có khối lượng 0,44 gam làm mẫu trưng cầu giám định, mẫu có ký hiệu P1.

- Số 199 viên nén màu hồng đựng trong túi nilon thứ hai có khối lượng 17,88 gam, lấy 05 viên có khối lượng 0,45 gam làm mẫu trưng cầu giám định, mẫu có ký hiệu P2.

Tại Kết luận giám định số 1254/KL-KTHS ngày 20/7/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu P1, P2 là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là P1 = 0,44 gam, P2 = 0,45 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 35,64 gam; loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 151/CT-VKS ngày 14/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố Tráng A L, Tráng Và P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tráng A L, Tráng Và P tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và áp dụng các căn cứ pháp luật như sau:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tráng A L từ 11 năm đến 12 năm tù.

Xử phạt bị cáo Tráng Và P từ 10 năm đến 11 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 384 viên = 34,75 gam và 01 mảnh nilon màu hồng và phong bì niêm phong ban đầu; 02 phong bì đựng Test thử ma túy của Tráng A L, Tráng Và P.

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả cho Tráng A L 01 xe máy biển kiểm soát 26G1-255.41.

Về án phí: Các bị cáo cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của huyện Mộc Châu, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát và có lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ mức hình phạt, đề nghị được miễn án phí sơ thẩm, hình phạt bổ sung (Phạt tiền).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Công an xã Chiềng Sơn, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan Điều tra, số ma túy bị cáo bị thu giữ vào ngày 15/7/2022 có nguồn gốc do bị cáo Tráng A L mua được của một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết với giá 1.600.000 đồng, có được ma túy Tráng A L đưa

cho Tráng Và P cất giấu mục đích sử dụng cho bản thân. Lời khai của các bị cáo không có nội dung gì thay đổi so với lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi đã thực hiện.

Đối với người có quyền lợi liên quan anh Tráng A L1 vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của anh L1 không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 292; khoản 3 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do tổ công tác Công an xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu lập vào hồi 18 giờ 00 phút ngày 15/7/2022; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định, niêm phong lại vật chứng đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; bản kết luận giám định số 1254/KL-KTHS ngày 16/7/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu P1, P2 là ma túy; loại Methamphetamine. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 35,64 gam; loại Methamphetamine”. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[3] *Khung hình phạt áp dụng*: Các bị cáo tàng trữ khối lượng 35,64 gam chất ma túy, loại chất Methamphetamine, đã vi phạm điểm b “ *Heroine, Methamphetamin, Amphetamine, MDMA hoặc XLR- 11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*” khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.

Phân hóa vai trò của các bị cáo: Tráng A L là người khởi xướng, trực tiếp mua ma túy, có được ma túy L đưa cho Tráng Và P, P đã đồng tình và trực tiếp cất giấu mục đích để sử dụng cho bản thân. Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm trong vụ án, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự, khi lượng hình cần đánh giá với mức độ tham gia của từng bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, đều có tiền sự chưa được xóa tiền sự; Tráng A L đã bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Đã được xóa án tích). Thấy rằng các bị cáo đã được đi cải tạo giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội, mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] *Về hình phạt bổ sung* : Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến

500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và xét hỏi công khai tại phiên tòa thấy rằng các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Về vật chứng:

Đối với: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 384 viên = 34,75 gam và 01 mảnh nilon màu hồng và phong bì niêm phong ban đầu; 02 phong bì đựng Test thử ma túy của Tráng A L, Tráng Và P. Xét thấy đây là những vật thuộc loại Nhà nước cấm mua bán, lưu hành, tàng trữ, vật không có giá trị sử dụng. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 26G1-225.41 thu giữ của bị cáo Tráng Và P. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc xe máy là của anh Tráng A L1 cho P mượn, việc P sử dụng chiếc xe máy đi chở ma túy anh L1 không biết và không liên quan, do vậy Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Tráng A L1 quản lý, sử dụng là đúng theo quy định của pháp luật, do đó cần chấp nhận.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho bị cáo Tráng A L, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ, do đó không có căn cứ điều tra làm rõ, buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ số ma túy bị thu giữ.

[7] Về án phí: Các bị cáo cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của huyện Mộc Châu, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

[8] Thời hạn tạm giam của các bị cáo còn trên 45 ngày, do đó Hội đồng xét xử không ra Quyết định tạm giam sau phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Tráng A L, Tráng Và P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Tráng A L 11 (Mười một) năm, 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

Xử phạt bị cáo Tráng Và P 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 384 viên = 34,75 gam và 01 mảnh nilon màu hồng và phong bì niêm phong ban đầu; 02 phong bì đựng Test thử ma túy của Tráng A L, Tráng Và P.

Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả lại cho anh Tráng A L 01 xe máy biển kiểm soát 26G1-225.41.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Tráng A L, Tráng Và P.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/9/2022).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tráng A L1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La ;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Bị cáo, NLQ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà